

Số: 173/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 10 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE**

Căn cứ các Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 80, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 243/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của người yêu cầu:

- Ông **Nguyễn Nhật T**, sinh năm 1979; nơi cư trú: **số B, đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.**

- Bà **Trần Thị Thùy D**, sinh năm 1984; nơi cư trú: **số B, đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà **Trần Thị Thùy D** và ông **Nguyễn Nhật T** có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, nội dung bà **D**, ông **T** trình bày và yêu cầu công nhận:

[1] Về hôn nhân: Bà **Trần Thị Thùy D** và ông **Nguyễn Nhật T** yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà **Trần Thị Thùy D** và ông **Nguyễn Nhật T** trình bày có 01 con chung tên **Nguyễn Ngọc Cát T1**, sinh ngày 09/8/2009, sau khi ly hôn, ông **T** trực tiếp nuôi con, bà **D** không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà **Trần Thị Thùy D** và ông **Nguyễn Nhật T** tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà **Trần Thị Thùy D** và ông **Nguyễn Nhật T** cùng khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Xét thấy sự thỏa thuận của bà **Trần Thị Thùy D** và ông **Nguyễn Nhật T** là sự tự nguyện, không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị Thùy D** và ông **Nguyễn Nhật T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông **Nguyễn Nhật T** trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Ngọc Cát T1**, sinh ngày 09/8/2009. Bà **Trần Thị Thùy D** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà **Trần Thị Thùy D** được quyền tới thăm chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà **Trần Thị Thùy D** và ông **Nguyễn Nhật T** tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà **Trần Thị Thùy D** và ông **Nguyễn Nhật T** cùng khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc dân sự bà **Trần Thị Thùy D** và ông **Nguyễn Nhật T** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền Lệ phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002620 ngày 20/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Vậy về lệ phí, bà **Trần Thị Thùy D** và ông **Nguyễn Nhật T** đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND P. An Hội, Tp. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN

Ngô Văn Trình